

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CẦN ĐƯỚC
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 64 /2018/DS-ST

Ngày: 23.11.2018

V/v tranh chấp: “*Hợp đồng
vay tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẦN ĐƯỚC - TỈNH LONG AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Hữu Nghĩa

Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Ngọc Thi

2. Ông Trần Quốc Thịnh

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Hương – Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện C Đ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C Đ tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Liêm – Kiểm sát viên

Ngày 23 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C Đ xét xử sơ thẩm công khai các vụ án thụ lý số 105,106 và 107/2018/TLST – DS cùng ngày 14 tháng 5 năm 2018 về tranh chấp “*Hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định nhập vụ án số 19/2018/QĐST – DS ngày 01 tháng 10 năm 2018 và Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 53/2018/QĐXXST - DS ngày 19 tháng 10 năm 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn:

1/ Bà Võ Thị Ơ, sinh năm: 1973;

2/ Bà Phạm Thị Ngọc Đ, sinh năm: 1958;

Cùng địa chỉ: Ấp 4, xã P V, huyện C Đ, tỉnh Long An

3/ Bà Trình Thị Quế M, sinh năm 1972;

Địa chỉ: Ấp 5, xã P V, huyện C Đ, tỉnh Long An

- Bị đơn: Bà Phan Thị L, sinh năm 1958;

- Người có quyền lợi – nghĩa vụ liên quan: Ông Trần Văn To N, sinh năm 1959

Cùng địa chỉ: Ấp 1, xã P V, huyện C Đ, tỉnh Long An

(*Nguyên đơn có mặt; bị đơn, người có quyền lợi – nghĩa vụ liên quan vắng mặt*)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Trong đơn khởi kiện ngày 19 tháng 4 năm 2018 và lời khai tại phiên tòa nguyên đơn bà Trình Thị Quế M trình bày như sau:

Bà M và vợ chồng ông Trần Văn To N, bà Phan Thị L có mối quan hệ quen biết nên vào ngày 20/01/2017 âm lịch, bà M có cho vợ chồng ông N, bà L vay số

tiền 250.000.000 đồng. Mục đích bà L, ông N nói vay tiền để đổ đất nền và xây nhà trọ. Hai bên có viết giấy tay mượn tiền, giấy mượn tiền do bà M viết theo nội dung của bà L đọc và bà L ký tên vào, hai bên thỏa thuận thời gian vay tiền là 03 tháng, lãi suất thỏa thuận 3%/tháng. Nhưng từ ngày vay vợ chồng bà L, ông N không trả cho bà được khoản tiền vốn và lãi nào. Bà nhiều lần yêu cầu chồng bà L, ông N trả nợ nhưng bà L cứ hứa hẹn mà không trả. Bà M khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà L có nghĩa vụ hoàn trả cho bà M số tiền đã vay là 250.000.000 đồng và không yêu cầu tính lãi.

* Trong đơn khởi kiện ngày 19 tháng 4 năm 2018 và lời khai tại phiên tòa nguyên đơn bà Võ Thị O trình bày như sau:

Giữa bà O với vợ chồng ông Trần Văn To N, bà Phan Thị L có mối quan hệ quen biết nên bà O có cho vợ chồng ông N, bà L vay tiền nhiều lần, tổng cộng số tiền cho vay là 160.000.000 đồng, bà L có trả được số tiền 50.000.000 đồng nhưng thời gian cho vay cụ thể thì bà O không nhớ. Đến ngày 07/5/2017 (âm lịch) giữa bà L và bà O mới chốt nợ và lập giấy mượn tiền theo đó bà L thừa nhận có vay bà O 110.000.000 đồng. Mục đích bà L, ông N nói vay tiền để trả tiền công thợ xây nhà trọ. Giấy mượn tiền do bà O viết theo nội dung của bà L đọc và bà L ký tên vào, hai bên thỏa thuận thời gian vay tiền là 03 tháng, lãi suất thỏa thuận 3%/tháng. Nhưng từ ngày vay vợ chồng bà L, ông N không trả cho bà được khoản tiền vốn và lãi nào. Bà nhiều lần yêu cầu chồng bà L, ông N trả nợ nhưng bà L cứ hứa hẹn mà không trả. Bà O khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà L có nghĩa vụ hoàn trả cho bà O số tiền đã vay là 110.000.000 đồng và không yêu cầu tính lãi.

* Trong đơn khởi kiện ngày 19 tháng 4 năm 2018 và lời khai tại phiên tòa nguyên đơn bà Phạm Thị Ngọc Đ trình bày như sau:

Giữa bà Đ với vợ chồng ông Trần Văn To N, bà Phan Thị L có mối quan hệ quen biết nên ngày 29/01/2017 (âm lịch) bà Đ có cho vợ chồng ông N, bà L vay số tiền 200.000.000 đồng. Mục đích bà L, ông N nói vay tiền để đổ đất nền xây nhà trọ và trả công thợ. Hai bên có viết giấy tay mượn tiền, giấy mượn tiền do bà Đ viết theo nội dung của bà L đọc và bà L ký tên vào, hai bên thỏa thuận thời gian vay tiền là 03 tháng, lãi suất thỏa thuận 3%/tháng. Nhưng từ ngày vay vợ chồng bà L, ông N không trả cho bà được khoản tiền vốn và lãi nào. Bà nhiều lần yêu cầu chồng bà L, ông N trả nợ nhưng bà L cứ hứa hẹn mà không trả. Bà Đ khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà L có nghĩa vụ hoàn trả cho bà Đ số tiền đã vay là 200.000.000 đồng và không yêu cầu tính lãi.

Ngày 02/10/2018 và tại phiên tòa bà M, bà O và bà Đ tự nguyện rút lại yêu cầu khởi kiện đối với ông N, chỉ yêu cầu một mình bà L chịu trách nhiệm trả nợ chứ không yêu cầu ông N chịu trách nhiệm L đới cùng bà L trả nợ cho bà M, bà O và bà Đ.

Bị đơn bà Phan Thị L và người có quyền lợi – nghĩa vụ L quan ông Trần Văn To N đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án và Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng vợ chồng bà L, ông N vẫn không đến tham gia hòa giải và bà L cũng không nộp văn bản trình bày ý kiến. Đối với ông N có lời khai tại biên bản ghi lời khai ngày 08/6/2018 thể hiện: ông N hoàn toàn không biết đến các khoản nợ vay của bà L. Việc bà L, bà O và bà M trình bày cho bà L vay tiền thì bà L tự

chịu trách nhiệm trả nợ, ông không biết gì về các khoản nợ vay của bà L nên không đồng ý cùng bà L chịu trách nhiệm L đòi trả nợ và ông cũng từ chối không đến Tòa án để giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C Đ, tỉnh Long An tham gia phiên tòa sơ thẩm phát biểu quan điểm về vụ án như sau:

- Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đầy đủ trình tự tố tụng được pháp luật quy định tại Bộ luật tố tụng Dân sự và các văn bản pháp luật hướng dẫn có L quan, nên hình thức tố tụng Viện kiểm sát thấy đủ điều kiện và hợp pháp theo quy định của pháp luật.

- Về nội dung vụ án: Xét thấy yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị O, Trình Thị Quế M, Phạm Thị Ngọc Đ đối với bà Phan Thị L là có căn cứ pháp luật để Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện. Việc các nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với ông Trần Văn To N về việc yêu cầu ông N cùng bà L L đòi chịu trách nhiệm trả nợ cho các nguyên đơn là tự nguyện nên cần ghi nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng và thẩm quyền giải quyết của Tòa án:

[1.1] Về thẩm quyền giải quyết:

Bà Võ Thị O, Trình Thị Quế M, Phạm Thị Ngọc Đ khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp hợp đồng vay tài sản đối với bà Phan Thị L, ông Trần Văn To N có nơi cư trú tại: Ấp 4, xã P V, huyện C Đ, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của TAND huyện C Đ, tỉnh Long An theo quy định tại các Điều 26, 35 và 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[1.2] Về thủ tục tố tụng:

Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa cho vợ chồng ông Trần Văn To N và bà Phan Thị L nhưng ông N, bà L không đến tham dự phiên tòa mà không có lý do nên căn cứ khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt vợ chồng ông N, bà L.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Xét yêu cầu khởi kiện của bà Trình Thị Quế M đối với bà Phan Thị L: Tại phiên tòa bà M yêu cầu bà L có nghĩa vụ hoàn trả cho bà M số tiền vốn vay là 250.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi. Chứng cứ bà M cung cấp để chứng M cho yêu cầu của mình là giấy mượn tiền có chữ ký và chữ viết họ tên của bà L đề ngày 20/01/2017 (âm lịch).

Xét yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị O đối với bà Phan Thị L: Tại phiên tòa bà O yêu cầu bà L có nghĩa vụ hoàn trả cho bà O số tiền vốn vay là 110.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi. Chứng cứ bà O cung cấp để chứng M cho yêu cầu của mình là giấy mượn tiền có chữ ký và chữ viết họ tên của bà L đề ngày 07/5/2017 (âm lịch).

Xét yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị Ngọc Đ đối với bà Phan Thị L: Tại phiên tòa bà Đ yêu cầu bà L có nghĩa vụ hoàn trả cho bà Đ số tiền vốn vay là 200.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi. Chứng cứ bà Đ cung cấp để chứng M cho yêu cầu của mình là giấy mượn tiền có chữ ký và chữ viết họ tên của bà L đề ngày 29/01/2017 (âm lịch).

Xét thấy bà Phan Thị L đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng bà L vẫn không cung cấp chứng cứ, không đến Tòa án để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cũng như phiên tòa xét xử nên bà L phải hậu quả cho việc không cung cấp tài liệu chứng cứ để phản bác lại các chứng cứ mà nguyên đơn cung cấp.

Do đó căn cứ vào các giấy mượn tiền do các nguyên đơn cung cấp có chữ ký và chữ viết họ tên của bà Phan Thị L, Hội đồng xét xử xác định bà L có nợ tiền vay của bà M, bà O và bà Đ nên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và lời đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa, buộc bà L chịu trách nhiệm hoàn trả cho bà M số tiền 250.000.000 đồng, hoàn trả cho bà O số tiền 110.000.000 đồng và trả cho bà Đ số tiền 200.000.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của bà M, bà O, bà Đ cho đến khi thi hành án xong các khoản tiền, hàng tháng bà L phải chịu thêm khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành tương ứng với thời gian chưa thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự.

[2.2] Về tiền lãi: Bà M, bà O, bà Đ không yêu cầu tính lãi nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Bà M, bà O, bà Đ tự nguyện rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với ông Trần Văn To N về việc yêu cầu ông N cùng bà L L đới chịu trách nhiệm trả nợ cho các nguyên đơn là tự nguyện nên Hội đồng xét xử đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà M, bà O và bà Đ.

[4] Về án phí: Bà L thuộc đối tượng người cao tuổi nhưng bà L không làm thủ tục để được xét miễn án phí do đó Hội đồng xét xử không có căn cứ để xét miễn án phí nên bà L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Hoàn lại tiền tạm ứng án phí cho bà M, bà O, bà Đ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 26; Điều 35; Điều 147; điểm c Khoản 1 Điều 217 và khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng Điều 463, 466 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trình Thị Quế M, Võ Thị O, Phạm Thị Ngọc Đ đối với bà Phan Thị L về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Buộc bà Phan Thị L có nghĩa vụ hoàn trả cho bà Trình Thị Quế M số tiền 250.000.000 đồng (Hai trăm năm mươi triệu đồng); hoàn trả cho bà Võ Thị O số tiền 110.000.000 đồng (Một trăm mười triệu đồng); hoàn trả cho bà Phạm Thị Ngọc Đ số tiền 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của bà M, bà O, bà Đ cho đến khi thi hành án xong các khoản tiền, hàng tháng bà L phải chịu thêm khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành tương ứng với thời gian chưa thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự.

Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà M, bà O và bà Đ về việc yêu cầu ông N cùng bà L L đới chịu trách nhiệm trả nợ cho các nguyên đơn.

Về án phí: Bà Phan Thị L phải nộp 26.400.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn lại cho bà Trình Thị Quế M 6.250.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số 0000995; Hoàn lại cho bà Võ Thị O 2.750.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số 0000991; Hoàn lại cho bà Phạm Thị Ngọc Đ 5.000.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số 0000994 cùng ngày 09/5/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện C Đ.

Các nguyên đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ L quan được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được công bố.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự được quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện C Đ;
- CCTHADS huyện C Đ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, lưu án văn;

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Huỳnh Hữu Nghĩa

**Thành viên
Hội đồng xét xử**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Huỳnh Hữu Nghĩa

